

**BÀI 1****CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG****Hướng dẫn học**

- Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:
- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
  - Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Bộ Giáo dục và Đào tạo. NXB Chính trị quốc gia. H, 2011. Các trang 35 – 60.
  - Giáo trình Triết học Mác – Lênin. Bộ Giáo dục và Đào tạo. NXB Chính trị quốc gia. H, 2006. Các trang 7-19, 147-179
  - GS.TS Nguyễn Hữu Vui (chủ biên). Lịch sử triết học. NXB Chính trị quốc gia. H, 2002. Các trang 117 – 120, 172 – 174, 185 – 188, 267 – 272, 422 - 429.
  - Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB Chính trị quốc gia. H, 2011. Các trang 18 – 19, 63 – 73, đặc biệt các trang 64, 66, 67 - 69
- Học viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang Web môn học.

**Nội dung**

Khẳng định chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của triết học duy vật trong lịch sử và chủ nghĩa duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin là chủ nghĩa duy vật biện chứng; làm rõ nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng thông qua việc trình bày quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, từ đó rút ra nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, chung nhất cho nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn của con người.

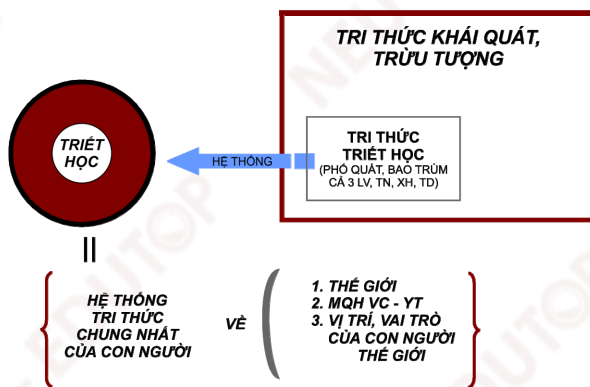
**Mục tiêu**

Trang bị cho người học thể giới quan duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thể giới quan khoa học.

## 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

### 1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

Triết học là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới, về bản thân con người và vị trí của con người trong thế giới đó.



Triết học đã ra đời và phát triển trên hai ngàn năm. Ở cuối mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, triết học có đối tượng nghiên cứu khác nhau; song tổng kết toàn bộ lịch sử triết học, Ph. Ăngghen đã khái quát: “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt của triết học hiện đại, là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại”, giữa ý thức và vật chất, giữa con người với giới tự nhiên.

Vấn đề cơ bản của triết học có hai mặt. Thứ nhất, giữa ý thức và vật chất: cái nào có trước, cái nào có sau? Cái nào quyết định cái nào? Thứ hai, con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?

Việc giải quyết mặt thứ nhất trong vấn đề cơ bản của triết học đã chia triết học thành hai trường phái lớn: Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Việc giải quyết mặt thứ hai trong vấn đề cơ bản của triết học chia quan điểm về nhận thức thành hai phái: Khả tri luận – phái bao hàm những quan điểm thừa nhận khả năng nhận thức của con người – và bất tri luận – phái bao hàm những quan điểm phủ nhận khả năng đó.

Đối với việc giải quyết mặt thứ nhất trong vấn đề của bản của triết học, những người cho rằng bản chất thế giới là vật chất, vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai, vật chất là cái có trước và quyết định ý thức, được gọi là các nhà duy vật; học thuyết của họ hợp thành các môn phái khác nhau của chủ nghĩa duy vật. Ngược lại, những người cho rằng: bản chất thế giới là ý thức; ý thức là tính thứ nhất, vật chất là tính thứ hai; ý thức quyết định vật chất, được gọi là các nhà duy tâm; học thuyết của họ hợp thành những môn phái khác nhau của chủ nghĩa duy tâm.

Chủ nghĩa duy tâm có nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội, đó là: sự xem xét phiến diện, tuyệt đối hóa, thần thánh hóa một mặt, một đặc tính nào đó của quá trình nhận thức và thường gắn với lợi ích của các giai cấp, tầng lớp áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo cũng thường có mối liên hệ mật thiết với nhau, nương tựa vào nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Trong lịch sử, chủ nghĩa duy tâm có hai hình thức cơ bản là chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan thừa nhận tính thứ nhất của ý thức con người. Trong khi phủ nhận sự tồn tại khách quan của hiện thực, chủ nghĩa duy tâm chủ quan khẳng định mọi sự vật, hiện tượng chỉ là “phức hợp những cảm giác” của cá nhân. Chủ nghĩa duy tâm khách quan cũng thừa nhận tính thứ nhất của tinh thần, ý thức nhưng tinh thần, ý thức ấy là tinh thần khách quan, ý thức

khách quan có trước, tồn tại độc lập với giới tự nhiên, với con người và thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau, như: “ý niệm tuyệt đối”, “tinh thần tuyệt đối” hay “lý thuyết thế giới”...

Độc lập với chủ nghĩa duy tâm, quá trình ra đời và phát triển của chủ nghĩa duy vật có nguồn gốc từ thực tiễn và sự phát triển của khoa học. Chính qua thực tiễn và khái quát hóa tri thức của nhân loại trong nhiều lĩnh vực, chủ nghĩa duy vật đã thể hiện là hệ thống tri thức lý luận chung nhất gắn với lợi ích của các lực lượng xã hội tiên bộ, định hướng cho các lực lượng này trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

### 1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật

Trong lịch sử, cùng với sự phát triển của thực tiễn và nhận thức khoa học, chủ nghĩa duy vật đã trải qua ba hình thức cơ bản là: Chủ nghĩa duy vật chất phác, chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Chủ nghĩa duy vật chất phác là hình thức sơ khai của chủ nghĩa duy vật. Trong khi thừa nhận tính thứ nhất của vật chất, chủ nghĩa duy vật chất phác đã lý giải toàn bộ sự sinh thành của thế giới từ một hoặc một số dạng vật chất cụ thể, cảm tính, coi đó là thực thể đầu tiên, là bản nguyên của thế giới. Những lý giải đó được thể hiện trong nhiều học thuyết duy vật thời cổ đại ở Trung Quốc, Ấn Độ và Hy Lạp.

Tuy còn rất nhiều hạn chế nhưng chủ nghĩa duy vật chất phác về cơ bản là đúng vì nó đã lấy bản thân vật chất của giới tự nhiên để giải thích về giới tự nhiên.

Chủ nghĩa duy vật siêu hình là hình thức cơ bản thứ hai của chủ nghĩa duy vật, thể hiện tiêu biểu trong lịch sử triết học Tây Âu thế kỷ XVII – XVIII. Đặc điểm lớn nhất của chủ nghĩa duy vật thời kỳ này là phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức về thế giới.

Tuy chưa phản ánh đúng thế giới trong mối liên hệ phổ biến và sự phát triển nhưng chủ nghĩa duy vật siêu hình đã góp phần quan trọng trong việc chống lại thế giới quan duy tâm và tôn giáo, nhất là giai đoạn lịch sử chuyển tiếp thời kỳ Trung cổ sang thời Phục hưng ở các nước Tây Âu.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức cơ bản thứ ba của chủ nghĩa duy vật, do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, V.I Lênin và những người kế tục ông bảo vệ và phát triển. Với sự kế thừa tinh hoa của các học thuyết triết học trước đó và sử dụng triệt để những thành tựu khoa học tự nhiên đương thời, chủ nghĩa duy vật biện chứng ngay từ đầu khi mới ra đời đã khắc phục được hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại và chủ nghĩa duy vật siêu hình thời cận đại Tây Âu, đạt tới trình độ là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử. Trên cơ sở phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan trong mối liên hệ phổ biến và sự phát triển, chủ nghĩa duy vật biện chứng đã cung cấp công cụ vĩ đại cho hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Toàn bộ hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng được xây dựng trên cơ sở lý giải một cách khoa học về vật chất, ý thức và mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.

## 1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

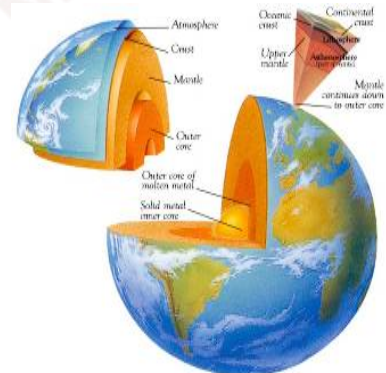
### 1.2.1. Vật chất

#### 1.2.1.1. Phạm trù vật chất

Vật chất với tư cách là phạm trù triết học đã có lịch sử phát triển trên 2.500 năm. Ngay từ thời cổ đại, xung quanh phạm trù vật chất đã diễn ra cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

Trong khi chủ nghĩa duy tâm quan niệm bản chất của thế giới, cơ sở đầu tiên của mọi tồn tại là một bản nguyên tinh thần, còn vật chất chỉ là sản phẩm của bản nguyên tinh thần ấy thì chủ nghĩa duy vật quan niệm: bản chất của thế giới, thực thể của thế giới là vật chất – cái tồn tại vĩnh viễn, tạo nên mọi sự vật, hiện tượng cùng với thuộc tính của chúng.

Trước khi chủ nghĩa duy vật biện chứng ra đời, nhìn chung, các nhà duy vật quan niệm vật chất hay một số chất tự có, đầu tiên, được coi là những “giới hạn tốt cùng” đóng vai trò là cơ sở sản sinh ra toàn bộ thế giới. Từ thời cổ đại, thuyết Ngũ hành của triết học Trung Quốc đã cho rằng những chất tự có, đầu tiên ấy là kim – mộc – thủy – hỏa – thổ; ở Ấn Độ, phái Samskhya lại quan niệm đây là Prakriti hay Pradhana; ở Hy Lạp, phái Milê quan niệm là nước (quan niệm của Talét) hay không khí (quan niệm của Anaximenes); Hêraclit quan niệm đó là lửa; còn Đêmocrit thì khẳng định đó là nguyên tử... Cho đến thế kỷ XVII, XVIII quan niệm về vật chất của các nhà triết học thời cận đại Tây Âu như Ph.Bêcơn, R.Đêcátơ, T.Hốpxơ, Đ.Điđorô... vẫn không có những thay đổi căn bản. Họ tiếp tục đi theo khuynh hướng hiểu về vật chất như các nhà triết học duy vật thời cổ đại và đi sâu tìm hiểu cấu trúc vật chất của giới tự nhiên trong sự biểu hiện cảm tính cụ thể của nó.



Quan niệm về vật chất của các nhà triết học duy vật trước Mác đã đặt nền móng cho khuynh hướng lấy bản thân giới tự nhiên để giải thích về giới tự nhiên nhưng nó cũng bộc lộ nhiều hạn chế, như: đồng nhất vật chất với vật thể, không hiểu bản chất của ý thức cũng như mối quan hệ giữa ý thức với vật chất; không tìm được cơ sở để xác định những biểu hiện của vật chất trong đời sống xã hội nên cũng không có cơ sở để đứng trên quan điểm duy vật khi giải quyết các vấn đề về xã hội... Những hạn chế đó tất yếu dẫn đến quan điểm duy vật không triệt để, khi giải quyết những vấn đề về giới tự nhiên, các nhà duy vật đứng trên quan điểm duy vật, nhưng khi giải quyết các vấn đề xã hội, họ đã “trượt” sang quan điểm duy tâm.



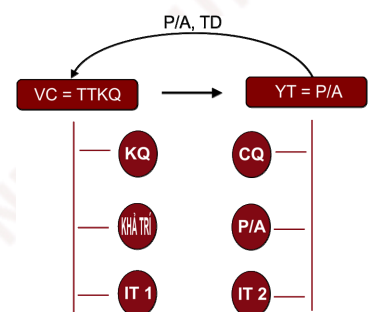
Sự phát triển của khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đặc biệt là những phát minh của Ronghen, Béccoren, Tômxơn... đã bác bỏ quan điểm của các nhà duy vật về những chất được coi là “giới hạn tốt cùng”, từ đó dẫn tới cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý học. Những người theo chủ nghĩa duy tâm đã lợi dụng cơ hội này để khẳng định bản chất “phi vật chất” của thế giới, khẳng định vai trò của các lực lượng siêu nhiên đối với quá trình sáng tạo ra thế giới.

Trong bối cảnh lịch sử đó, để chống sự xuyên tạc của các nhà triết học duy tâm, bảo vệ và phát triển thế giới quan duy vật, V.I.Lênin đã tổng kết những thành tựu khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đồng thời kế thừa tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen để đưa ra định nghĩa kinh điển về vật chất:

“Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”

Định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin cho thấy:

Thứ nhất, cần phân biệt khái niệm “vật chất” với tư cách là phạm trù triết học (phạm trù khái quát thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của mọi tồn tại vật chất và được xác định từ góc độ giải quyết vấn đề cơ bản của triết học) với khái niệm “vật chất” được sử dụng trong các khoa học chuyên ngành (khái niệm dùng để chỉ những dạng vật chất cụ thể, cảm tính).



Thứ hai, thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của mọi

dạng vật chất là thuộc tính tồn tại khách quan, tức tồn tại ngoài ý thức, độc lập, không phụ thuộc vào ý thức con người, cho dù con người có nhận thức được hay không nhận thức được nó.

Thứ ba, vật chất, dưới những dạng cụ thể của nó là cái có thể gây nên cảm giác ở con người khi nó trực tiếp hay gián tiếp tác động đến giác quan của con người; ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất; vật chất là cái được ý thức phản ánh.

Định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của chủ nghĩa duy vật và nhận thức khoa học:

Một là, bằng việc tìm ra thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của vật chất là thuộc tính tồn tại khách quan, V.I.Lênin đã phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù triết học với khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù của khoa học chuyên ngành, từ đó khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ; cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộc về vật chất; tạo lập cơ sở lý luận cho việc dựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về xã hội.

Hai là, khi khẳng định vật chất là “thực tại khách quan”, “được đem lại cho con người trong cảm giác” và “được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh”, V.I.Lênin không những đã khẳng định tính thứ nhất của vật chất, tính thứ hai của ý thức theo quan điểm duy vật mà còn khẳng định khả năng con người có thể nhận thức

được thực tại khách quan thông qua sự “chép lại, chụp lại, phản ánh” của con người đối với thực tại khách quan.

### 1.2.1.2. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

Theo quan điểm duy vật biện chứng, vận động là phương thức tồn tại của vật chất; không gian, thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất.

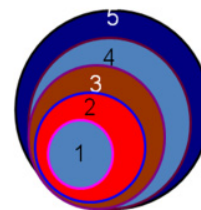
- Vận động là phương thức tồn tại của vật chất

Ph.Ăngghen định nghĩa: “Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất – tức được hiểu là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, - thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy..

Theo quan điểm của Ph.Ăngghen, vận động không chỉ thuần túy là sự thay đổi vị trí mà là “mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ”; vật chất luôn gắn liền với vận động và chỉ thông qua vận động mà các dạng cụ thể của vật chất mới biểu hiện được sự tồn tại của mình. Vận động trở thành phương thức tồn tại của vật chất. Vật chất tồn tại khách quan nên vận động cũng tồn tại khách quan và vận động của vật chất là tự thân vận động.

Dựa trên thành tựu khoa học ở thời đại mình, Ph.Ăngghen đã phân chia vận động thành 5 hình thức cơ bản: vận động cơ học (sự di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian); vận động vật lý (vận động của các phân tử, điện tử, các hạt cơ bản, các quá trình nhiệt, điện...); vận động hóa học (sự biến đổi các chất vô cơ, hữu cơ trong quá trình hóa hợp và phân giải); vận động sinh học (sự biến đổi của các cơ thể sống, biến thái cấu trúc gen...); vận động xã hội (sự biến đổi trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... của đời sống xã hội).

Các hình thức vận động cơ bản nói trên được sắp xếp theo thứ tự từ trình độ thấp đến trình độ cao, tương ứng với trình độ kết cấu của vật chất. Các hình thức vận động khác nhau về chất song chúng không tồn tại biệt lập mà có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó: hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp và bao hàm trong nó những hình thức vận động thấp hơn. Trong sự tồn tại của mình, mỗi sự vật có thể có nhiều hình thức vận động khác nhau song bản thân nó bao giờ cũng được đặc trưng bởi hình thức vận động cao nhất mà nó có.



- 1/ VB CƠ HỌC
- 2/ VB VẬT LÝ
- 3/ VB HOÁ HỌC
- 4/ VB SINH HỌC
- 5/ VB XÃ HỘI

Bằng việc phân loại các hình thức vận động Ph.Ăngghen đã đặt cơ sở cho việc phân loại, phân ngành; hợp loại, hợp ngành khoa học. Tư tưởng về sự thống nhất nhưng khác nhau về chất của các hình thức vận động cơ bản còn là cơ sở để chống lại khuynh hướng đánh đồng các hình thức vận động, hoặc quy hình thức vận động này vào hình thức vận động khác trong quá trình nhận thức.

Khi khẳng định vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất; chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng đã khẳng định vận động là tuyệt đối, là vĩnh viễn. Điều này không có nghĩa là chủ nghĩa duy vật biện chứng phủ nhận đứng im; song, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đứng im là

trạng thái đặc biệt của vận động, đó là vận động trong thể cân bằng và đứng im là hiện tượng tương đối, tạm thời.

Vận động trong thể cân bằng là vận động chưa làm thay đổi về cơ bản về vị trí, hình dáng, kết cấu của sự vật; chưa làm thay đổi cơ bản chất của sự vật.

Đứng im là hiện tượng tương đối, vì đứng im chỉ xảy ra đối với một số hình thức vận động và trong một số quan hệ nhất định chứ không phải xảy ra với tất cả các hình thức vận động và với tất cả các quan hệ. Đứng im là hiện tượng tạm thời vì đứng im chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định chứ không tồn tại vĩnh viễn.

- Không gian, thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất

Mọi dạng cụ thể của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có một quảng tính (chiều cao, chiều rộng, chiều dài) nhất định và tồn tại trong các mối tương quan nhất định (trước hay sau, trên hay dưới, bên phải hay bên trái...) với những dạng vật chất khác. Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là không gian. Mặt khác, sự tồn tại của sự vật còn được thể hiện ở quá trình biến đổi: nhanh hay chậm, kế tiếp và chuyển hóa... Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là thời gian.

Ph.Ăngghen viết: “Các hình thức cơ bản của mọi tồn tại là không gian và thời gian; tồn tại ngoài thời gian thì cũng hết sức vô lý như tồn tại ở ngoài không gian”. Vật chất, không gian, thời gian không tách rời nhau; không có vật chất tồn tại ngoài không gian và thời gian; cũng không có không gian, thời gian tồn tại ngoài vật chất vận động.

Là hình thức tồn tại của vật chất, không gian và thời gian tồn tại khách quan, bị vật chất quy định; trong đó, không gian có ba chiều: chiều cao, chiều rộng, chiều dài; thời gian có một chiều: chiều từ quá khứ đến tương lai.

### 1.2.1.3. Tính thống nhất vật chất của thế giới

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó.

Điều đó được thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất, thế giới vật chất là cái có trước, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.

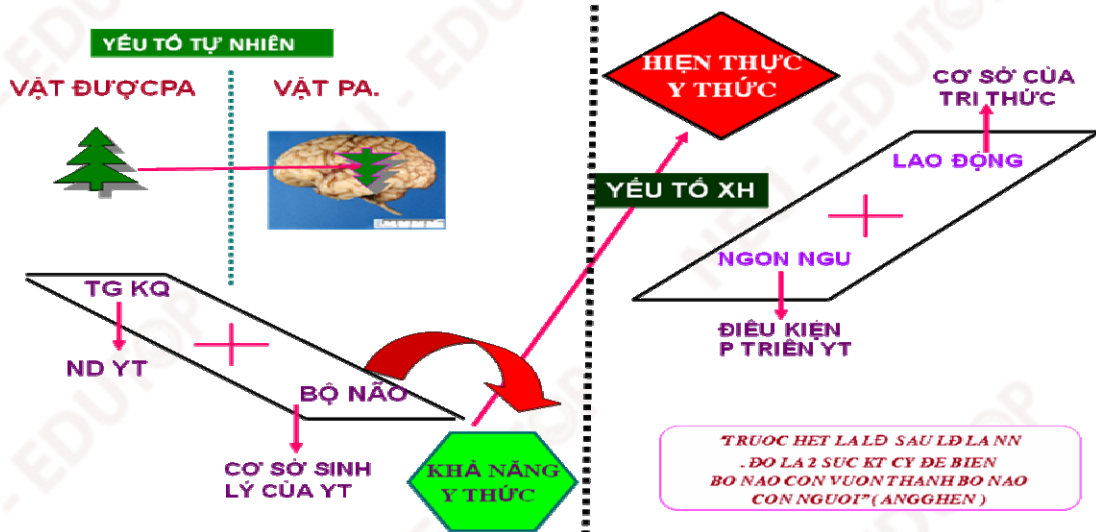
Hai là, thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô tận, vô hạn, không được sinh ra và không bị mất đi.

Ba là, mọi tồn tại của thế giới vật chất đều có mối liên hệ khách quan, thống nhất với nhau, biểu hiện ở chỗ chúng đều là những dạng cụ thể của vật chất, là những kết cấu vật chất hoặc có nguồn gốc vật chất, do vật chất sinh ra và cùng chịu sự chi phối của những quy luật khách quan phổ biến của thế giới vật chất. Trong thế giới vật chất không có gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hóa lẫn nhau; là nguồn gốc, nguyên nhân và kết quả của nhau.

## 1.2.2. Ý thức

### 1.2.2.1. Nguồn gốc của ý thức

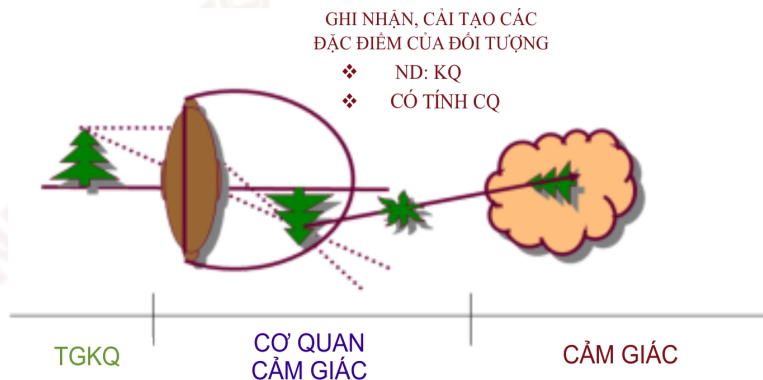
Theo quan điểm duy vật biện chứng, ý thức có nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội.



#### • Nguồn gốc tự nhiên của ý thức

Có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc tự nhiên của ý thức, trong đó, hai yếu tố cơ bản nhất là bộ óc con người và mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan tạo nên hiện tượng phản ánh năng động, sáng tạo.

Về bộ óc con người: ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc con người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc. Bộ óc càng hoàn thiện, hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc càng có hiệu quả, ý thức con người càng phong phú và sâu sắc. Điều này lý giải tại sao quá trình tiến hóa của loài người cũng là quá trình phát triển năng lực của nhận thức, của tư duy và tại sao đời sống tinh thần của con người bị rối loạn khi sinh lý thần kinh của con người không bình thường do bị tổn thương bộ óc.



Về mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, tạo ra quá trình phản ánh năng động, sáng tạo: Quan hệ giữa con người với thế giới khách quan là quan hệ tất yếu ngay từ khi con người xuất hiện. Trong mối quan hệ này, thế giới khách quan được phản ánh thông qua hoạt động của các giác quan đã tác động đến bộ óc con người, hình thành nên ý thức.



Phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này ở dạng vật chất khác trong quá trình tác động qua lại lẫn nhau giữa chúng.

Phản ánh là thuộc tính của tất cả các dạng vật chất, song phản ánh được thể hiện dưới nhiều hình thức, trình độ: phản ánh vật lý, hóa học, phản ánh sinh học; phản ánh tâm lý và phản ánh năng động, sáng tạo. Những hình thức này tương ứng với quá trình tiến hóa của các dạng vật chất tự nhiên.

Phản ánh vật lý, hóa học là hình thức phản ánh thấp nhất, đặc trưng cho vật chất vô sinh. Phản ánh vật lý, hóa học thể hiện qua những biến đổi về cơ, lý, hóa (thay đổi kết cấu, vị trí, tính chất lý – hóa qua quá trình kết hợp, phân giải các chất) khi có sự tác động qua lại với nhau giữa các dạng vật chất vô sinh. Hình thức phản ánh này mang tính thụ động, chưa có định hướng lựa chọn của vật nhận tác động.

Phản ánh sinh học là hình thức phản ánh cao hơn, đặc trưng cho giới tự nhiên hữu sinh. Tương ứng với quá trình phát triển của giới tự nhiên hữu sinh, phản ánh sinh học được thể hiện qua tính kích thích, tính cảm ứng, phản xạ. Tính kích thích là phản ứng của thực vật và động vật bậc thấp bằng cách thay đổi chiều hướng sinh trưởng, phát triển, thay đổi màu sắc, thay đổi cấu trúc... khi nhận sự tác động trong môi trường sống. Tính cảm ứng là phản ứng của động vật có hệ thần kinh tạo ra năng lực cảm giác, được thực hiện trên cơ sở điều khiển của hệ thần kinh qua cơ chế phản xạ không điều kiện, khi có sự tác động từ bên ngoài môi trường lên cơ thể sống.

Phản ánh tâm lý là phản ánh của động vật có hệ thần kinh trung ương được thực hiện trên cơ sở điều khiển của hệ thần kinh thông qua cơ chế phản xạ có điều kiện.

Phản ánh năng động, sáng tạo là hình thức phản ánh cao nhất trong số các hình thức phản ánh, nó chỉ được thực hiện ở dạng vật chất phát triển cao nhất, có tổ chức cao nhất là bộ óc con người. Phản ánh năng động, sáng tạo được thực hiện qua quá trình hoạt động sinh lý thần kinh của bộ não người khi thế giới khách quan tác động lên các giác quan của con người. Đây là sự phản ánh có tính chủ động lựa chọn thông tin, xử lý thông tin để tạo ra những thông tin mới, phát hiện ý nghĩa của thông tin. Sự phản ánh năng động, sáng tạo này được gọi là ý thức.

- Nguồn gốc xã hội của ý thức

Có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc xã hội của ý thức; trong đó, cơ bản nhất và trực tiếp nhất là lao động và ngôn ngữ.

Lao động là quá trình con người tác động vào giới tự nhiên nhằm tạo ra sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Lao động cũng là quá trình vừa làm thay đổi cấu trúc cơ thể người, vừa làm giới tự nhiên bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động... của nó qua những hiện tượng mà con người có thể quan sát được. Những hiện tượng ấy, thông qua hoạt động của các giác quan, tác động đến bộ óc người và bằng hoạt động của bộ óc, tri thức nói riêng, ý thức nói chung về thế giới khách quan hình thành và phát triển.



Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ, ý thức không thể tồn tại và thể hiện.

Sự ra đời của ngôn ngữ gắn liền với lao động. Lao động ngay từ đầu đã mang tính xã hội. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong quá trình lao động làm nảy sinh ở họ nhu cầu phải có phương tiện để giao tiếp, trao đổi tư tưởng. Nhu cầu này làm ngôn ngữ nảy sinh và phát triển ngay trong quá trình lao động. Nhờ ngôn ngữ con người đã không chỉ giao tiếp, trao đổi mà còn khái quát, tổng kết, đúc kết thực tiễn, truyền đạt kinh nghiệm, truyền đạt tư tưởng từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Như vậy, nguồn gốc cơ bản, trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và sự phát triển của ý thức là lao động. Sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ; đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc của con vượn, đã làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc của con người, khiến cho tâm lý động vật dần dần chuyển hóa thành ý thức.

#### 1.2.2.2. Bản chất và kết cấu của ý thức

- Bản chất của ý thức

Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh được thể hiện ở khả năng hoạt động tâm – sinh lý của con người trong việc định hướng tiếp nhận thông tin, chọn lọc thông tin, xử lý thông tin, lưu giữ thông tin và trên cơ sở những thông tin đã có nó có thể tạo ra những thông tin mới và phát hiện ý nghĩa của thông tin được tiếp nhận. Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh còn được thể hiện ở quá trình con người tạo ra những ý tưởng, giả thuyết, huyền thoại... trong đời sống tinh thần của mình hoặc khái quát bản chất, quy luật khách quan, xây dựng các mô hình tư tưởng, tri thức trong các hoạt động của con người.

Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Điều đó thể hiện ở chỗ: ý thức là hình ảnh về thế giới khách quan, bị thế giới khách quan quy định cả về nội dung và về hình thức biểu hiện, nhưng nó không còn ý nguyên như thế giới khách quan mà nó đã cải tiến thông qua lăng kính chủ quan (tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, kinh nghiệm, tri thức, nhu cầu...) của con người. Theo C.Mác, ý thức “chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào đầu óc con người và được cái biến đi trong đó”.

Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối không chỉ của các quy luật tự nhiên mà còn (chủ yếu là) của các quy luật xã hội; được quy định bởi nhu cầu giao tiếp xã hội và các điều kiện sinh hoạt hiện thực của đời sống xã hội. Với tính năng động, ý thức đã sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu của thực tiễn xã hội.

- Kết cấu của ý thức.

Ý thức có kết cấu rất phức tạp, bao gồm nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau; trong đó cơ bản nhất là tri thức, tình cảm và ý chí.



Tri thức là toàn bộ những hiểu biết của con người, là kết quả của quá trình nhận thức, là sự tái tạo hình ảnh của đối tượng được nhận thức dưới dạng các loại ngôn ngữ.

Tri thức là phương thức tồn tại của ý thức và là điều kiện để ý thức phát triển.

Căn cứ và lĩnh vực phản ánh, tri thức có thể chia thành nhiều loại như: tri thức về tự nhiên, tri thức về con người và xã hội. Căn cứ vào trình độ phát triển của nhận thức, tri thức có thể chia thành: tri thức đời thường và tri thức khoa học, tri thức kinh nghiệm và tri thức lý luận, tri thức cảm tính và tri thức lý tính...

Tình cảm là những rung động biểu hiện thái độ của con người trong các quan hệ. Tình cảm là một hình thái đặc biệt của sự phản ánh hiện thực, được hình thành từ sự khái quát những cảm xúc cụ thể của con người khi nhận sự tác động của ngoại cảnh. Tình cảm biểu hiện và phát triển trong mọi lĩnh vực đời sống của con người; là một yếu tố phát huy sức mạnh; một hoạt động thúc đẩy hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Tùy thuộc vào đối tượng nhận thức mà sự rung động của con người về đối tượng đó mà tình cảm được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như: tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình cảm tôn giáo...

Ý chí là sự biểu hiện sức mạnh của bản thân mỗi con người nhằm vượt qua những cản trở trong quá trình thực hiện mục đích. Ý chí được coi là mặt năng động của ý thức, một biểu hiện của ý thức trong thực tiễn mà ở đó con người tự ý thức được mục đích của hành động nên tự đấu tranh với mình và ngoại cảnh để thực hiện đến cùng mục đích đã lựa chọn. Có thể coi ý chí là quyền lực của con người đối với mình; nó điều khiển, điều chỉnh hành vi để con người hướng đến mục đích một cách tự giác; nó cho phép con người tự kiểm chế, tự làm chủ bản thân và quyết đoán trong hành động theo quan điểm và niềm tin của mình. Giá trị chân chính của ý chí không chỉ thể hiện ở cường độ của nó mạnh hay yếu mà chủ yếu thể hiện nội dung, ý nghĩa của mục đích mà ý chí hướng đến. V.I.Lênin cho rằng: ý chí là một trong những yếu tố tạo nên sự nghiệp



cách mạng của hàng triệu người trong cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm giải phóng mình, giải phóng nhân loại.

Tất cả các yếu tố tạo thành ý thức có mối quan hệ biện chứng với nhau, song tri thức là yếu tố quan trọng nhất; là phương thức tồn tại của ý thức, đồng thời là nhân tố định hướng đối với sự phát triển và quyết định mức độ biểu hiện của các yếu tố.

### 1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ biện chứng. Trong mối quan hệ này, vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức, song, ý thức không hoàn toàn thụ động mà nó có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

#### 1.2.3.1. Vai trò của vật chất đối với ý thức

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức vì:

Ý thức là sản phẩm của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người nên chỉ khi có con người mới có ý thức. Trong mối quan hệ giữa con người với thế giới vật chất thì con người là kết quả quá trình phát triển lâu dài của thế giới vật chất. Kết luận này đã được chứng minh bởi sự phát triển hết sức lâu dài của khoa học về giới tự nhiên; nó là một bằng chứng khoa học chứng minh quan điểm: vật chất có trước, ý thức có sau.

Các yếu tố tạo thành nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của ý thức (bộ óc con người, thế giới khách quan tác động đến bộ óc gây ra hiện tượng phản ánh, lao động, ngôn ngữ), hoặc là chính bản thân thế giới vật chất (bộ óc con người, hiện tượng phản ánh, lao động, ngôn ngữ) đã khẳng định vật chất là nguồn gốc của ý thức.

Ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất, là hình ảnh chủ quan về thế giới vật chất nên nội dung của ý thức được quyết định bởi vật chất. Sự vận động và phát triển của ý thức, hình thức biểu hiện của ý thức bị các quy luật sinh học, các quy luật xã hội và sự tác động của môi trường sống quyết định. Những yếu tố này thuộc lĩnh vực vật chất nên vật chất không chỉ quyết định nội dung mà còn quyết định cả hình thức biểu hiện cũng như mọi sự biến đổi của ý thức.

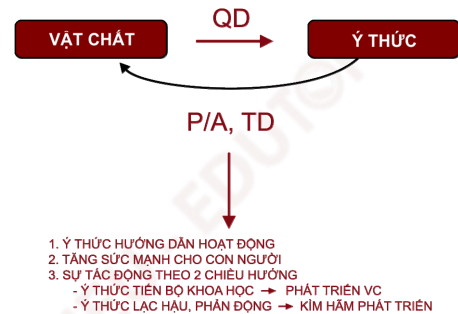
#### 1.2.3.2. Vai trò của ý thức đối với vật chất

Trong mối quan hệ với vật chất, ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

Vì ý thức là ý thức của con người nên nói đến vai trò của ý thức là nói đến vai trò của con người. Bản thân ý thức tự nó không trực tiếp thay đổi được gì trong hiện thực. Muốn thay đổi hiện thực, con người phải tiến hành những hoạt động vật chất. Song, mọi hoạt động của con người đều do ý thức chỉ đạo, nên vai trò của ý thức không phải trực tiếp tạo ra hay thay đổi thế giới vật chất mà nó trang bị cho con người tri thức về thực tại khách quan, trên cơ sở ấy con người xác định mục tiêu, đề ra phương hướng, xây dựng kế hoạch, lựa chọn phương pháp, biện pháp, công cụ, phương tiện... để thực hiện mục tiêu của mình. Ở đây, ý thức đã thể hiện sự tác động của mình đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.



Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất diễn ra theo hai hướng: tích cực hoặc tiêu cực. Nếu con người nhận thức đúng, có tri thức khoa học, có tình cảm cách mạng, có nghị lực, có ý chí thì hành động của con người phù hợp với quy luật khách quan, con người có năng lực vượt qua những thách thức trong quá trình thực hiện mục đích của mình, thế giới được cải tạo – đó là sự tác động tích cực của ý thức; còn nếu ý thức của con người phản ánh không đúng hiện thực khách quan, bản chất, quy luật khách quan thì ngay từ đầu, hướng hành động của con người đã đi ngược lại với các quy luật khách quan, hành động ấy sẽ có tác dụng tiêu cực đối với hoạt động thực tiễn, đối với hiện thực khách quan.

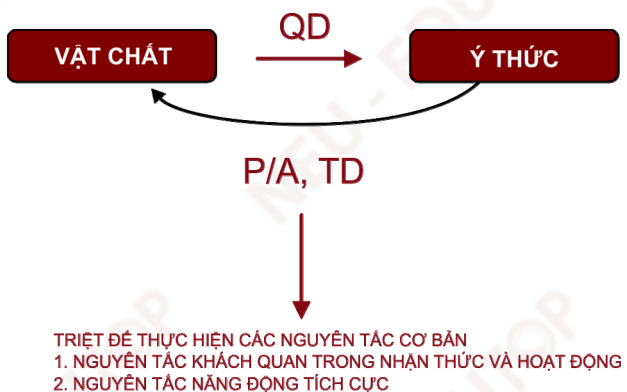


Như vậy, bằng việc định hướng cho hoạt động của con người, ý thức có thể quyết định hành động của con người, hoạt động thực tiễn của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại, hiệu quả hay không hiệu quả.

Tìm hiểu về vật chất, về nguồn gốc bản chất của ý thức, về vai trò của vật chất, của ý thức có thể thấy: vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định nội dung và khả năng sáng tạo của ý thức; là điều kiện tiên quyết để thực hiện ý thức; ý thức chỉ có khả năng tác động trở lại vật chất, sự tác động ấy không phải tự thân mà phải thông qua hoạt động thực tiễn (hoạt động vật chất) của con người. Sức mạnh của ý thức trong sự tác động này phụ thuộc vào trình độ phản ánh của ý thức, mức độ thâm nhập của ý thức vào những người hành động, trình độ tổ chức của con người và những điều kiện vật chất, hoàn cảnh vật chất, trong đó con người hành động theo định hướng của ý thức.

#### 1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận

Trên cơ sở quan điểm về bản chất vật chất của thế giới, bản chất năng động, sáng tạo của ý thức và mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, chủ nghĩa duy vật biện chứng xây dựng nên nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, chung nhất đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Nguyên tắc đó là: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan. Theo nguyên tắc phương pháp luận này, mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người chỉ có thể đúng đắn, thành công và có hiệu quả tối ưu khi và chỉ khi thực hiện đồng thời giữa việc xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan.



Xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan là xuất phát từ tính khách quan của vật chất, có thái độ tôn trọng đối với hiện thực khách quan mà căn bản là tôn trọng quy luật, nhận thức và hành động theo quy luật; tôn trọng vai trò quyết định của đời

sống vật chất đối với đời sống tinh thần của con người, của xã hội. Điều đó đòi hỏi trong nhận thức và hành động, con người phải xuất phát từ thực tế khách quan để xác định mục đích, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch, biện pháp; phải lấy thực tế khách quan làm cơ sở, phương tiện; phải tìm ra những nhân tố vật chất, tổ chức những nhân tố ấy thành lực lượng vật chất để hành động.

Phát huy tính năng động chủ quan là phát huy vai trò tích cực, năng động, sáng tạo của ý thức và phát huy vai trò nhân tố con người trong việc vật chất hóa tính tích cực, năng động, sáng tạo ấy. Điều này, đòi hỏi con người phải tôn trọng tri thức khoa học; tích cực học tập, nghiên cứu để làm chủ tri thức khoa học và truyền bá vào quần chúng để nó trở thành tri thức, niềm tin của quần chúng, hướng dẫn quần chúng hành động. Mặt khác, phải tự giác tu dưỡng, rèn luyện để hình thành, củng cố nhân sinh quan cách mạng, tình cảm, nghị lực cách mạng để có sự thống nhất hữu cơ giữa tính khoa học và tính nhân văn trong định hướng hành động.

Thực hiện nguyên tắc tôn trọng khách quan, phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn đòi hỏi phải phòng, chống và khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí; đó là những hành động lấy ý chí áp đặt cho thực tế, lấy ảo tưởng thay cho hiện thực, lấy ý muốn chủ quan làm chính sách, lấy tình cảm làm điểm xuất phát cho chiến lược, sách lược... Mặt khác, cũng cần chống chủ nghĩa kinh nghiệm, xem thường tri thức khoa học, xem thường lý luận, bảo thủ, trì trệ, thụ động... trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

## Tóm lược cuối bài

**Trong bài này, bạn cần lưu ý những điểm sau:**

- Nắm được đặc thù của tri thức triết học để từ đó hiểu được vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học.
- Khẳng định chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.
- Khái lược những quan niệm trước khi triết học Mác ra đời (cổ đại và thời kỳ cận đại) về vật chất.
- Định nghĩa vật chất của Lênin (nội dung và ý nghĩa), tính thống nhất vật chất của thế giới theo quan điểm triết học Mác-Lênin.
- Không gian, thời gian, vận động (5 hình thức vận động và quan hệ giữa vận động với đứng im) là gì, tại sao chúng lại là phương thức tồn tại của vật chất.
- Nguồn gốc (tự nhiên, xã hội), bản chất, kết cấu của ý thức.
- Quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ mối quan hệ này, đặc biệt là nguyên tắc (quan điểm) khách quan.